

Bản án số: 11/2024/DS-PT

Ngày: 26-6-2024

V/v: *Tranh chấp chia tài sản chung và
yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương

Ông Nguyễn Hữu Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐXX-PT ngày 28-5- 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/ QĐ-PT ngày 12-6-2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị T (*Nông Thị P*)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư thuộc công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 5, N8a8 NguyễnThị T1, phường N1, quận T, thành phố Hà Nội. (*Có mặt*)

- Bị đơn: Ông Hoàng Tiến T2

Địa chỉ: Thôn V, xã V1, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú tại: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. (*Có mặt*)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (*Theo Văn bản ủy quyền ngày 12-3-2024*). (*Vắng mặt*)

2/ Các ông Phùng Văn Đ, Phùng Văn Q, bà Hoàng Linh H, bà Phượng Thị C1.
(*Cùng vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Những người làm chứng:

1/ Bà Lý Thị T3, ông Bàn Văn B, ông Nông Xuân T4, bà Nông Thị L, ông Phượng Quý T5, ông Nông Văn T6, ông Nông Văn T7, ông Nông Văn Q1, bà Lý Thị L1, ông Lý Văn T8, ông Bàn Văn C2.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2/ Bà Lương Thị T9.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

(*Cùng vắng mặt tại phiên tòa*)

Người kháng cáo là bị đơn ông Hoàng Tiến T2. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nông Thị T trình bày: Bà và ông Hoàng Tiến T2 có quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Hoàng Tiến T2 thường xuyên đi làm theo công trình, thi thoảng mới về nhà, mỗi lần về ông Hoàng Tiến T2 đều ăn uống, sinh hoạt tại nhà bà. Thời điểm đó bà có đất đồi rừng, có một ít bà đã trồng cây gỗ tạp, phần còn lại thì trồng quế. Trong quá trình trồng quế, ông Hoàng Tiến T2 không tham gia mà do một mình bà tự ươm cây giống, tự trồng và có thuê người, đổi công với người khác trồng hộ. Năm 2014, ông Hoàng Tiến T2 đi làm ăn ở trong miền Nam, trong thời gian đó thi thoảng ông có chuyển tiền cho bà bằng hình thức gửi qua Ngân hàng nhưng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ chính xác số tiền và số lần chuyển là bao nhiêu. Số tiền này ông Hoàng Tiến T2 nói đưa cho bà để hỗ trợ khi ông về ăn, ở tại nhà bà. Thời điểm này ông Hoàng Tiến T2 có hỏi chuyện bà về việc trồng quế, và còn nói với bà là ông chỉ thi thoảng đi về nên không giúp gì được cho việc bà trồng quế.

Trong thời gian ông Hoàng Tiến T2 đi làm ăn, bà có mua thêm quế giống về trồng trên nương. Thi thoảng ông Hoàng Tiến T2 về có lên nương quế xem mọi người làm và có lần đứng ra trả tiền thuê người trồng quế giúp bà. Đến năm 2016 ông Hoàng Tiến T2 về ở hẳn với bà không đi làm ăn xa nữa. Hai người chung sống một thời gian trên lán nương để trông nom cây quế và chăn nuôi. Năm 2017 thì ông Hoàng Tiến T2 tự đi mua nồi về để nấu dầu quế, bà và con trai (*Con riêng của bà*) có cùng lên giúp nấu dầu quế với ông Hoàng Tiến T2.

Giữa năm 2017 hai người phát sinh mâu thuẫn nên ông Hoàng Tiến T2 đuổi không cho bà lên lán ở cùng nữa. Sau đó ông Hoàng Tiến T2 tự cho rằng đã thuê đất của bà để trồng quế nên số cây quế trồng trên nương là quế của ông. Vì vậy hai bên xảy ra tranh chấp số cây quế trồng trên nương. Năm 2019 Ủy ban xã và

Công an xã N đã giải quyết, hoà giải tranh chấp giữa hai người. Tại biên bản làm việc ngày 05-8-2019, bà và ông Hoàng Tiến T2 có thỏa thuận chia số cây quế đã trồng trên nương với tỷ lệ 60% - 40% (*Trong đó bà hưởng 60%, còn ông Hoàng Tiến T2 hưởng 40%*). Nhưng sau đó thỏa thuận này không thực hiện được do khi lên thực địa giữa hai người không thống nhất được với nhau về ranh giới nên việc thỏa thuận không thành.

Do hai bên không tự thỏa thuận được về việc chia số cây quế đã trồng và xác định ông Hoàng Tiến T2 cũng có công sức cùng bà trong việc chăm sóc nương quế. Nên bà đề nghị chia tài sản chung giữa hai người là số cây quế khoảng 08-09 tuổi được trồng trên đất của bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần trồng trên đất của gia đình ông Phùng Văn Đ (*Do lúc trồng không rõ ranh giới nên đã trồng cả quế sang đất nhà ông Phùng Văn Đ*) theo tỷ lệ bà được hưởng 60%, ông Hoàng Tiến T2 được hưởng 40%. Nguyên vọng của bà là nhận toàn bộ cây và thanh toán tiền cho ông Hoàng Tiến T2 theo tỷ lệ ông được hưởng.

Tại các Biên bản ghi lời khai, các bản tự khai và đơn đề nghị, bị đơn là ông Hoàng Tiến T2 trình bày: Năm 2013, trong quá trình chữa bệnh ông có quen bà Nông Thị T. Giữa hai người có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau một thời gian. Khi đó bà Nông Thị T nói có một mảnh đất đòi muốn bán nhưng ông không có nhu cầu mua nên ông đã thỏa thuận thuê đất của bà Nông Thị T trong thời hạn từ 13 đến 15 năm với giá thuê là 20.000.000 đồng. Việc thỏa thuận thuê đất giữa hai người chỉ nói miệng chứ không làm văn bản, không có người làm chứng. Ông đã thanh toán đầy đủ số tiền thuê cho bà Nông Thị T (*Một phần ông đưa tiền mặt, số còn lại khoảng 12.000.000 đồng ông chuyển qua tài khoản Ngân hàng*).

Sau khi thuê đất, ông đã 02 lần đưa tiền cho bà Nông Thị T với số tiền là 15.000.000 đồng để nhờ bà mua cây quế giống và thuê người trồng quế. Bà Nông Thị T đã thuê khoảng 6-7 người lên dọn nương để trồng quế.

Năm 2014 khi ông đi miền Nam làm ăn, bà Nông Thị T có xin ông được ở lại trên nương để chăm sóc cây gỗ rừng, trồng ngô, chăn nuôi lợn, gà và chăm sóc nương quế hộ ông. Sau đó khoảng 02 năm thì bà Nông Thị T chặt bán hết số cây gỗ như xoan, trâu, bò đê trên nương.

Đến năm 2015, ông đã trồng quế giống trên khoảng 2,8 ha đất rừng của bà Nông Thị T với số lượng khoảng 2,5 vạn cây quế. Toàn bộ tiền mua quế giống là do ông đưa cho bà Nông Thị T đi mua cây giống và trồng. Việc mua cây giống thực hiện nhiều lần nên ông không nhớ cụ thể, còn bà Nông Thị T mua của ai thì ông không rõ, vì ông mới về đó không quen biết ai nên ông nhờ bà Nông Thị T hết. Sau đó ông mua khoảng 4.000 cây nữa để trồng thêm. Từ khi trồng quế ông đã về làm lán, xây lò để nấu dầu quế và ở trên lán nương để chăm sóc nương quế.

Vì nương rộng nên năm 2016 ông đã tự nguyện cắt cho bà Nông Thị T khoảng 1,2 ha để bà Nông Thị T và con riêng của bà làm. Nhưng do bà Nông Thị T không chăm sóc nên cây chết, còi cọc không lên được, để cây rừng mọc um

tùm. Đến năm 2018, bà Nông Thị T làm nhà xuồng trung tâm thôn ở, không ở trên lán cùng ông nữa.

Năm 2019, giữa ông và bà Nông Thị T xảy ra tranh chấp số quế đã trồng, Công an xã N và Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải nhiều lần. Trong quá trình hoà giải hai người đã thống nhất ông trích chia cho bà Nông Thị T hưởng 1,4 vạn cây (Trong đó có 01 vạn cây ông đã chia cho bà Nông Thị T từ năm 2016), tương đương 60% số cây quế giống đã đưa lên trồng. Còn ông được hưởng 1,1 vạn cây, tương đương 40% số cây đã trồng. Nhưng khi đại diện Ủy ban nhân dân xã lên đo đạc để phân chia rõ ràng thì bà Nông Thị T không đồng ý với phần cây ông trích cho mà đòi đo cả phần quế của ông đang quản lý nên việc thỏa thuận này không thực hiện được.

Ông xác định giữa ông và bà Nông Thị T có lập hợp đồng thuê khoán nương để trồng quế (*Bằng miệng*) chứ không phải là hợp tác làm ăn chung. Nay bà Nông Thị T khởi kiện yêu cầu chia diện tích quế trên, ông không nhất trí. Ngoài ra, ông Hoàng Tiến T2 có phản tố, yêu cầu bà Nông Thị T phải bồi thường cho ông số tiền thiệt hại là 149.000.000 (*Một trăm bốn mươi chín triệu*) đồng. Cụ thể:

- Bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần là 23.000.000 đồng. Do năm 2020 bà Nông Thị T cho người đánh ông phải đi nằm viện, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của ông.

- Bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 126.000.000 đồng. Do tháng 8 và tháng 10-2020 bà Nông Thị T đã tự ý cho người lên bóc quế của ông (*Số quế này nằm trong diện tích quế ông và bà Nông Thị T đang có tranh chấp*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn Đ và bà Hoàng Linh H trình bày: Gia đình ông bà có diện tích đất rừng giáp đất nhà bà Nông Thị T tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 số số: R 432696 với diện tích là 31.000m² mang tên hộ ông Phùng Văn Đ. Trong quá trình sử dụng, do diện tích đất được cấp rộng, giữa các hộ giáp ranh chưa có gì làm mốc giới nên ranh giới không cụ thể. Năm 2013, ông bà thấy ông Hoàng Tiến T2 về ở cùng bà Nông Thị T. Trong quá trình chung sống, ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T có làm lò sấy sản chung và cân bán sản cho gia đình ông bà. Khi hết vụ thu hoạch sản thì thấy hai người chuyển sang phát dọn và trồng quế trên diện tích đất rừng của bà Nông Thị T. Do ranh giới đất giữa hai gia đình không cụ thể nên ông bà không phát hiện ra việc ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T trồng quế lên đất của gia đình mình. Năm 2019, khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ông bà mới biết là ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T đã trồng quế vào 3.657,3m² đất nằm trong phần diện tích đất rừng nhà mình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông bà và bà Nông Thị T đã lên thực địa, kiểm tra ranh giới, mốc giới, bản sơn xác định ranh giới giữa hai nhà với sự chứng kiến của kiểm lâm và Trưởng thôn, giữa hai nhà không có tranh chấp về ranh giới.

Đối với việc giải quyết tranh chấp giữa bà Nông Thị T với ông Hoàng Tiến T2, ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Việc ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T trồng cây lên đất của gia đình ông bà sẽ do hai gia đình tự giải quyết. Do có nhiều công việc nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn Q và bà Phượng Thị C1 trình bày: Gia đình ông bà có diện tích đất đồi rừng giáp đất rừng của gia đình bà Nông Thị T và gia đình ông Phùng Văn Đ. Năm 2019 giữa ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T có xảy ra tranh chấp cây quế được trồng trên nương của bà Nông Thị T. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án đã xác định gia đình ông bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, qua việc xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định được phần cây quế ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T trồng hiện nay đang tranh chấp có một phần nằm vào phần diện tích đất của ông Phùng Văn Đ chứ không liên quan đến đất của gia đình ông bà. Ông Phùng Văn Q và bà Phượng Thị C1 nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, không có ý kiến gì và xác định không liên quan đến việc tranh chấp của các bên. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Năm 2013 ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai người cùng trồng và chăm sóc đồi quế trên diện tích đất của bà Nông Thị T đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận. Năm 2019, giữa hai người xảy ra tranh chấp về số cây quế trồng trên đất của bà Nông Thị T. Quá trình giải quyết tranh chấp UBND xã đã hai lần hòa giải, giải quyết vụ việc nhưng hai bên không nhất trí. Đến ngày 22-10-2020 bà Nông Thị T cho người lên khai thác quế trên đồi quế đang tranh chấp, UBND xã đã lên hiện trường lập biên bản và yêu cầu bà Nông Thị T dừng ngay việc khai thác quế. Đoàn công tác của xã đã yêu cầu thu gom số vỏ quế tươi mà bà Nông Thị T đã bóc được mang về Ủy ban nhân dân xã đồng thời yêu cầu các bên về Ủy ban xã để giải quyết mâu thuẫn. Để phục vụ cho việc giải quyết, đoàn công tác đã tiến hành cân số lượng vỏ quế đã bị bóc và bán thành tiền, trừ tiền công bóc, công vận chuyển còn lại 4.300.000 đồng. Đây là số tài sản đang tranh chấp nên hai bên đã thống nhất gửi lại tại Công an xã N tạm giữ để chờ cơ quan chức năng giải quyết. Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án quyết định người được sở hữu số tiền này để bàn giao lại.

Người làm chứng là ông Nông Xuân T4 trình bày: Bà Nông Thị T là em nuôi của ông. Năm 2013, ông thấy bà Nông Thị T đưa ông Hoàng Tiến T2 về nhà cùng chung sống. Thời điểm đó ông Hoàng Tiến T2 chỉ về ở hai đến ba ngày lại đi làm. Năm 2014, ông thấy bà Nông Thị T mua 1 vạn cây quế, ông là người giúp bóc cây quế lên xe và đưa lên nương đồng thời cùng các con ông giúp bà Nông Thị T trồng cây quế. Ngoài ra bà Nông Thị T còn làm đôi công cho anh em để họ trồng quế giúp. Thời điểm trồng quế, ông Hoàng Tiến T2 chỉ thi thoảng đi về chứ

không tham gia. Năm 2015 ông Hoàng Tiến T2 về ở hẳn cùng bà Nông Thị T trên lán nường. Ông cũng có nghe nói thời điểm hai người sống chung trên lán, ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T tiếp tục trồng quế, còn trồng thế nào thì ông không biết. Năm 2017 ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T không ở với nhau nữa, bà Nông Thị T về thôn ở còn ông Hoàng Tiến T2 ở trên lán chăm sóc quế cho đến nay. Năm 2018 thì thấy ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T xảy ra tranh chấp về nường quế.

Người làm chứng là ông Bàn Văn B trình bày: Ông là anh họ bà Nông Thị T và có lán bên trên còn ông Hoàng Tiến T2 có lán ở bên dưới. Ông thấy ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T ở với nhau như vợ chồng một thời gian vào khoảng năm 2013. Theo ông Bàn Văn B thì số cây quế trồng trên nường là của ông Hoàng Tiến T2 còn đất là của bà Nông Thị T bởi vì ông Hoàng Tiến T2 là người mua giống, thuê người về trồng từ năm 2013-2014 (*Vợ chồng ông Lý Văn T8, bà Nông Thị L và hai mẹ con bà Nông Thị T trồng*). Ông cũng có nghe nói về việc bà Nông Thị T cho ông Hoàng Tiến T2 thuê đất trồng quế 15 năm, sau này bà Nông Thị T không muốn cho ông Hoàng Tiến T2 làm nữa nên nói không phải cho thuê, còn giá thuê thì ông không rõ.

Người làm chứng là bà Lý Thị T3 trình bày: Bà và bà Nông Thị T, ông Hoàng Tiến T2 chỉ là mối quan hệ hàng xóm. Khoảng năm 2013 bà thấy bà Nông Thị T đưa ông Hoàng Tiến T2 về nhà ở chung. Trong thời gian hai người chung sống, bà thấy ông Hoàng Tiến T2 đầu tư cho bà Nông Thị T khoảng 10 vạn cây quế giống để trồng. Một thời gian sau bà Nông Thị T khoe với hàng xóm là ông Hoàng Tiến T2 phải đi làm ăn tại Sài Gòn. Khoảng 01 tháng sau thì bà Nông Thị T lại khoe ông Hoàng Tiến T2 gửi tiền về qua Ngân hàng, còn gửi bao nhiêu thì bà không biết. Năm 2015 ông Hoàng Tiến T2 về ở cùng bà Nông Thị T trên nường quế và làm lò sấy sắn. Sau đấy ông Hoàng Tiến T2 tiếp tục bỏ vốn ra để trồng quế. Khoảng năm 2017-2018 bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến T2 không ở với nhau nữa và xảy ra tranh chấp nường quế. Trong thời gian ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T ở với nhau bà không thấy nói gì về việc thuê đất hay hợp đồng gì cả. Chỉ biết ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, ông Hoàng Tiến T2 đầu tư cây giống để trồng quế, còn giữa hai bên giao kèo với nhau như thế nào bà không biết.

Người làm chứng là ông Lý Văn T8 trình bày: Năm 2013 ông Hoàng Tiến T2 có lên thuê đất của bà Nông Thị T để trồng quế. Do ông Hoàng Tiến T2 không quen biết ai nên nhờ bà Nông Thị T thuê ông đến dọn nường, thu hoạch sắn và trồng quế. Ông đã gọi thêm bà Nghiệp, anh Thành và một số người khác đi làm cùng. Ông Hoàng Tiến T2 là người thanh toán chi phí công xá cho ông và mọi người.

Người làm chứng là ông Phụng Quý T5 trình bày: Năm 2013 ông làm lò sấy sắn cạnh nường nhà bà Nông Thị T. Khi đó ông nghe người dân khác nhau là

bà Nông Thị T chung sống với ông Hoàng Tiến T2 như vợ chồng. Mọi người còn nói chuyện ông Hoàng Tiến T2 là người đầu tư quế giống để trồng trên đất của bà Nông Thị T. Thời gian đó ông Hoàng Tiến T2 thi thoảng mới về ở cùng bà Nông Thị T. Ông chỉ nghe loáng thoáng người làng nói ông Hoàng Tiến T2 đi miền Nam làm ăn. Đến khoảng năm 2016, khi cây quế lớn bằng cổ tay thì ông thấy ông Hoàng Tiến T2 về và ở cùng bà Nông Thị T tại lán ở trên khu đồi quế thuộc Thôn L, xã N. Ông thấy ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T và con trai bà Nông Thị T cùng phát đồi để cấy thêm quế và cùng nhau chung sống ở lán trên nương quế. Đến năm 2018, ông thấy bà Nông Thị T, ông Hoàng Tiến T2 tranh chấp nương quế còn lý do tranh chấp ông không biết.

Người làm chứng là ông Bàn Văn C2 trình bày: Ông là người có máy phun thuốc sâu ở địa phương. Từ năm 2014, ông có được ông Hoàng Tiến T2 thuê phun thuốc sâu. Ông Hoàng Tiến T2 là người trực tiếp thanh toán tiền công cho ông, không có mặt bà Nông Thị T.

Người làm chứng là bà Lương Thị T9 (Chủ đại lý thuốc bảo vệ thực vật phân bón) trình bày: Năm 2013, ông Hoàng Tiến T2 có liên kết mua vật tư gồm phân NPK, đạm, thuốc trừ sâu và các vật tư khác. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ số lượng và thời gian mua bán, hình thức thanh toán.

Người làm chứng là ông Nông Văn T7 (Cháu bà Nông Thị T) trình bày: Năm 2013 ông có được đi trồng hộ quế và làm lán trú nắng, mưa cho bà Nông Thị T trên nương nhà bà Nông Thị T tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Bà Nông Thị T là người trực tiếp nhờ và trả công cho ông. Khi ông đến làm chỉ có mặt bà Nông Thị T, không thấy có ông Hoàng Tiến T2. Vài năm sau khi cây quế to, ông Hoàng Tiến T2 về ở và sau đó hai người xảy ra tranh chấp. Ông không biết giữa ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T có làm chung hay có hợp đồng thuê đất hay không.

Người làm chứng là bà Lý Thị L1 (hàng xóm của bà Nông Thị T) trình bày: Vào khoảng năm 2013 bà được bà Nông Thị T thuê trồng quế và sắn trên nương của bà Nông Thị T tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Bà không nhớ đã làm thuê bao nhiêu buổi, chỉ biết bà Nông Thị T là người trực tiếp thuê và trả công cho bà. Khi bà làm thuê cho bà Nông Thị T thì không thấy có mặt ông Hoàng Tiến T2 ở đó. Bà không biết gì về việc ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T có hợp tác làm ăn chung với nhau hay có việc thuê đất không.

Người làm chứng là ông Nông Văn T6 (Cháu bà Nông Thị T) trình bày: Ông có đi làm đôi công trồng quế, đi làm hộ bà Nông Thị T. Cụ thể ông cũng không nhớ làm giúp bà Nông Thị T bao nhiêu ngày. Khi đi làm cho bà Nông Thị T, ông không thấy có mặt ông Hoàng Tiến T2. Thời gian sau quế cao hơn đầu người thì mới thấy ông Hoàng Tiến T2 lên nương ở. Ông không biết việc ông Hoàng Tiến T2 có thuê đất hay trồng quế chung với bà Nông Thị T hay không.

Người làm chứng là ông Nông Văn Q1 (Cháu bà Nông Thị T) trình bày:

Khoảng năm 2012-2013 ông được bà Nông Thị T nhờ đi trồng quế, thời điểm đó ông không thấy ông Hoàng Tiến T2 có mặt. Lúc thì ông đi làm đổi công, lúc thì đi làm hộ cho bà Nông Thị T nên ông không nhớ là đã đi làm bao nhiêu buổi. Khoảng năm 2016 thì ông thấy ông Hoàng Tiến T2 lên nương của bà Nông Thị T và mang theo nồi để nấu dầu quế và nói là lên nấu dầu quế cùng bà Nông Thị T để lấy tiền chi tiêu. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

- Tóm tắt về quá trình giải quyết vụ án:

1/ *Tại Bản án số: 06/2022/DS-ST ngày 30-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 235, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 97, Điều 203 của Luật Đất đai sửa đổi bổ sung năm 2013; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T đối với ông Hoàng Tiến T2. Buộc ông Hoàng Tiến T2 phải thu hoạch toàn bộ cây quế trên diện tích đất 16.951,6m² tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái trả lại đất cho bà Nông Thị T. Thời hạn thu hoạch cây quế chậm nhất hết tháng 5 năm 2023.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nông Thị T về đề nghị chia tổng số cây quế 7.375 cây quế trên diện tích đất 14.603,8m².

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nông Thị T đề nghị ông Hoàng Tiến T2 trả lại 1.186 cây quế trên diện tích 2.347,8m² tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Đình chỉ giải quyết nội dung bà Nông Thị T yêu cầu ông Hoàng Tiến T2 chia cho bà một nửa giá trị của 2.000 cây quế với giá là 42.000.000 đồng mà ông Hoàng Tiến T2 đã chặt trước đó.

Ngày 12-01-2023, bà Nông Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án.

2/ *Tại Bản án số: 13/2023/DS-PT ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã nhận định:*

- Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các ông Phùng Văn Q, Phùng Văn Đ vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng.

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện có một số cây quế đang tranh chấp được trồng trên đất của ông Phùng Văn Đ. Nhưng bản án sơ thẩm tuyên: “Buộc ông Hoàng Tiến T2 phải thu hoạch toàn bộ cây quế trên diện tích đất 16.951,6m² tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái trả lại đất cho bà Nông Thị T” là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan, dẫn đến bản án không thể thi hành án được.

- Chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ để xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự.

- Chưa có tài liệu, chứng cứ thể hiện có thể chia tài sản bằng hiện vật hoặc

chia theo giá trị.

Từ đó quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Huy Bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 30-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi thụ lý hồ sơ để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã khắc phục các sai sót được chỉ ra trong Bản án số: 13/2023/DS-PT ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Ngày 21-4-2023, Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xem xét, thẩm định lại, đã xác định: *Tổng diện tích đất trồng quế có tranh chấp là 16.951,4m², trong đó có 3.657,3m² đất nằm trong đất của ông Phùng Văn Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có trồng 8.561 cây quế các loại. Trong đó có 1.848 cây quế trồng trên đất của gia đình ông Phùng Văn Đ và 6.713 cây quế trồng trên đất của bà Nông Thị T.*

Tại Biên bản định giá ngày 09-6-2023, đã xác định tổng trị giá cây quế trồng trên đất là: 941.710.000 đồng (Chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm mười ngàn đồng)

Tại phiên hoà giải ngày 20-02-2024, ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T thống nhất được với nhau các nội dung: *Nhất trí với kết luận định giá ngày 09-6-2023 của Hội đồng định giá huyện V và thống nhất số cây quế trên không thể chia bằng hiện vật được, vì quế được trồng các thời điểm khác nhau, chỗ thừa chỗ mau nếu chia bằng hiện vật sẽ không chính xác. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, Điều 208 và Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là nương quế trồng tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái với ông Hoàng Tiến T2.

Xác định tổng giá trị tài sản chung của bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến T2 là 946.010.000 đồng; trong đó giá trị cây quế theo kết luận định giá của Hội

đồng định giá là 941.710.000 đồng là số cây quế được trồng trên diện tích 16.951,4m² (trong đó 13.294,1m² nằm trong phần diện tích đất của bà Nông Thị T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 3.657,3m² đất nằm trong đất của ông Phùng Văn Đ và bà Hoàng Linh H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 4.300.000 đồng là tiền bán vỏ quế được ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T thống nhất gửi Công an xã giữ chờ kết quả giải quyết tranh chấp theo biên bản ngày 22-10-2020 theo tỷ lệ bà Nông Thị T được hưởng 60% bằng 567.606.000 đồng, ông Hoàng Tiến T2 hưởng 40% bằng 378.404.000 đồng .

Giao cho bà Nông Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ số cây quế trồng trên diện tích đất nói trên. Bà Nông Thị T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản cho ông Hoàng Tiến T2 với số tiền là: 374.104.000 (ba trăm bảy mươi tư triệu một trăm linh tư nghìn) đồng.

Giao cho ông Hoàng Tiến T2 quản lý, sử dụng số tiền 4.300.000 đồng hiện đang được Công an xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái giữ (Theo biên bản sự việc ngày 22-10-2020). Ông Hoàng Tiến T2 được nhận trích chia từ bà Nông Thị T số tiền là 374.104.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Tiến T2 về việc yêu cầu bà Nông Thị T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, bị đơn ông Hoàng Tiến T2 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn, bà Nông Thị T. Xác định toàn bộ số cây quế là tài sản riêng của bị đơn, không phải là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Hoàng Tiến T2. Buộc nguyên đơn, bà Nông Thị T phải bồi thường thiệt hại cho ông Hoàng Tiến T2 số tiền tổng cộng là 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Người kháng cáo là ông Hoàng Tiến T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn, bà Nông Thị T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp có ý kiến: Không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy: Nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Tiến T2 về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

Về án phí, đề nghị buộc bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp; đúng, đủ người và tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu độc lập và đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của bị đơn. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp tài sản:

[2.1.1] Theo lời khai của các đương sự và người làm chứng, đều thể hiện ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với nhau một thời gian, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai người có làm ăn chung.

Các đương sự cùng thừa nhận ông Hoàng Tiến T2 có đưa tiền cho bà Nông Thị T để mua cây giống, trả tiền thuê người trồng quế và cùng trông nom, chăm sóc cây quế trên đất của bà Nông Thị T, có địa chỉ tại Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự cùng thừa nhận những nội dung này, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định số cây quế được trồng trên diện tích 16.946,3m² đất (*Trong đó 13.294,1m² đất của bà Nông Thị T và 3.657,3m² đất nằm trong đất của gia đình ông Phùng Văn Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) và 4.300.000 đồng tiền bán vỏ quế được ông Hoàng Tiến T2, bà Nông Thị T thống nhất gửi Công an xã giữ chờ kết quả giải quyết tranh chấp là tài sản do hai người cùng tạo dựng trong thời gian chung sống.

[2.1.2] Bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 cho rằng đã thuê đất của nguyên đơn để trồng quế và đưa tiền để nhờ nguyên đơn thuê người trồng, mua cây giống, trả tiền công trông nom, chăm sóc cây quế hộ bị đơn trong thời gian không có mặt tại địa phương. Lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Bản thân bị đơn cũng thừa nhận việc thoả thuận thuê đất không được lập thành văn bản, không có người làm chứng và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác thể hiện có việc thuê đất.

Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận thuê đất như bị đơn trình bày.

[2.1.3] Bị đơn khai đã trả tiền thuê đất cho nguyên đơn một phần đưa trực tiếp, một phần chuyển qua hệ thống Ngân hàng với số tiền là 20.000.000 đồng thuê đất và 15.000.000 đồng tiền nhờ nguyên đơn mua cây giống, trả công người trồng quế. Nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn có đưa 5.000.000 đồng tiền mặt và chuyển tiền qua Ngân hàng cho nguyên đơn một số lần, với số tiền không lớn. Đây là tiền góp vào chi phí sinh hoạt mỗi khi hai người ở chung.

Do bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã đưa cho nguyên đơn các khoản tiền thuê đất, tiền nhờ mua cây và nhờ thuê người trồng cây. Các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng thể hiện ông Hoàng Tiến T2 có chuyển tiền cho bà Nông Thị T 06 lần, với tổng số tiền chuyển qua Ngân hàng là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*). Nên không có căn cứ để cho rằng ông Hoàng Tiến T2 đã chuyển trả cho bà Nông Thị T tổng số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) trong đó có 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền thuê đất.

[2.1.4] Tại phiên hoà giải ngày 20-02-2024, ông Hoàng Tiến T2 và bà Nông Thị T thống nhất với nội dung xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24-5-2023 và kết luận định giá ngày 09-6-2023. Thống nhất tài sản này không thể chia bằng hiện vật.

Như vậy có cơ sở để xác định tài sản tranh chấp của các đương sự là 8.561

cây quế các loại (*Tại thời điểm thẩm định*). Có trị giá là: 941.710.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm mười ngàn đồng*). Và số tiền hiện nay Công an xã N, huyện V đang tạm giữ là: 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm ngàn đồng*). Tổng trị giá tài sản tranh chấp là 946.010.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu không trăm mười ngàn đồng*).

[2.1.5] Bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 cũng thừa nhận: Số cây quế là tài sản tranh chấp được trồng trên đất của bà Nông Thị T, do bà Nông Thị T trực tiếp trồng, chăm sóc và thuê thêm người trồng. Bản thân ông không tham gia vào việc trồng, chăm sóc cây mà chỉ đưa tiền mua giống, trả tiền công trồng.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định bà Nông Thị T có công sức nhiều hơn trong việc tạo dựng khối tài sản đang tranh chấp.

[2.1.6] Từ những nhận định nêu trên, thấy rằng: Việc ông Hoàng Tiến T2 cho rằng số cây quế trồng trên đất là tài sản riêng của ông, do ông tạo dựng trên đất thuê của bà Nông Thị T là không có căn cứ. Do bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến T2 cùng có công sức trong việc góp tiền, trực tiếp trồng, chăm sóc số cây quế này. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm xác định số cây quế đang có tranh chấp là tài sản chung của hai người là đúng. Việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi người trong việc tạo dựng khối tài sản chung và thoả thuận trước đó của các đương sự với tỷ lệ ông Hoàng Tiến T2 được hưởng 40%, bà Nông Thị T được 60% (*Theo Biên bản ngày 05-8-2019 do UBND xã N lập*) là phù hợp với quy định tại các Điều 207, 208 và 219 Bộ luật Dân sự. Do cây trồng trên đất của bà Nông Thị T và không thể chia bằng hiện vật, nên việc Toà án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản tranh chấp là cây trồng trên đất cho chủ sử dụng đất là bà Nông Thị T quản lý, đồng thời tuyên buộc bà Nông Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Tiến T2 trị giá số cây trồng được hưởng bằng tiền là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe, tinh thần và tổn thất về tài sản.

Bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 khai năm 2020 bà Nông Thị T cho người đánh ông phải đi nằm viện, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của ông. Đồng thời vào tháng 8 và tháng 10-2020, bà Nông Thị T đã tự ý cho người lên bóc quế của ông. Dẫn đến các thiệt hại về sức khỏe, tinh thần và tài sản đối với ông.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Tiến T2 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về các thiệt hại này. Công an xã N, huyện V cũng xác định không có các tài liệu là các Biên bản hiện trường, Biên bản xử lý của Công an xã lập về việc bà Nông Thị T thuê người đánh ông Hoàng Tiến T2. Không có các Biên bản về việc anh em, con cháu bà Nông Thị T chặt phá cây và không có các Biên bản thẩm định, Biên bản thu giữ tài sản tranh chấp như nội dung đơn xin sao chụp tài liệu ngày 02-01-2024 của ông Hoàng Tiến T2 đã nêu.

Do không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho thiệt hại về tài sản, sức khoẻ và tinh thần bị xâm phạm. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 về việc buộc nguyên đơn, bà Nông Thị T phải bồi thường số tiền tổng cộng là 149.000.000 là phù hợp.

[2.3] Bà Nông Thị T, ông Hoàng Tiến T2 đã trồng cây lên một phần diện tích đất của ông Phùng Văn Đ, bà Hoàng Linh H. Nhưng ông Phùng Văn Đ, bà Hoàng Linh H không yêu cầu Toà án giải quyết việc bà Nông Thị T, ông Hoàng Tiến T2 sử dụng đất của gia đình. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm không giải quyết mà dành quyền khởi kiện cho các đương sự nếu có tranh chấp là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho các nội dung kháng cáo là có cơ sở. Nên không có căn cứ làm thay đổi nội dung Bản án sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Do đó kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm của bị đơn đưa ra không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.] Nội dung bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng cách tuyên án chưa hợp lý, gây khó hiểu. Nên cần tuyên lại cho phù hợp.

[5.] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn, ông Hoàng Tiến T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 148; Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.*

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Tiến T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, như sau:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 208 và Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị T về việc chia tài sản chung:

1.1. Giao cho bà Nông Thị T được sở hữu 8.561 cây quế các loại. Có tổng trị giá là: 941.710.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm mười ngàn*

đồng). Trong đó có 1.848 cây quế trồng trên 3.657,3m² đất của gia đình ông Phùng Văn Đ và 6.713 cây quế trồng trên 13.294,1m² đất của bà Nông Thị T.

Bà Nông Thị T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch chia tài sản chung cho ông Hoàng Tiến T2, với số tiền là 374.104.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tư triệu một trăm linh tư ngàn đồng*)

Tổng số trị giá tài sản chung bà Nông Thị T được hưởng là: 567.606.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm linh sáu ngàn đồng*).

1.2. Giao cho ông Hoàng Tiến T2 sở hữu số tài sản bao gồm: Số tiền 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm ngàn đồng*) hiện đang do Công an xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái tạm giữ. Và số tiền 374.104.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tư triệu một trăm linh tư ngàn đồng*) do bà Nông Thị T thanh toán chênh lệch chia tài sản chung.

Tổng số trị giá tài sản chung ông Hoàng Tiến T2 được hưởng là 378.404.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm linh tư ngàn đồng*)

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Tiến T2 về việc buộc bà Nông Thị T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần và bồi thường thiệt hại về tài sản.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nông Thị T phải chịu 6.164.600 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Nông Thị T đã nộp đủ. Ông Hoàng Tiến T2 phải chịu 4.109.600 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà Nông Thị T đã nộp toàn bộ tạm ứng các chi phí tố tụng này. Nên ông Hoàng Tiến T2 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nông Thị T số tiền chi phí tố tụng này là 4.109.600 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải thanh toán nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Nông Thị T phải chịu 26.704.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm linh tư nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.050.000 đồng (*Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0005620 ngày 23-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Bà Nông Thị T còn phải nộp số tiền là 20.654.000 đồng (*Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Hoàng Tiến T2 phải chịu 18.920.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản và 7.450.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng ông Hoàng Tiến T2 phải chịu 26.370.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi*

ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0001793 ngày 18-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông Hoàng Tiến T2 còn phải nộp số tiền là 23.220.000 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Tiến T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2023/0001029 ngày 05-4-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận ông Hoàng Tiến T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện V.
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện V;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

